

Số: 252/BC-UBND

Đồng Phú, ngày 18 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Phú

Thực hiện Thông báo số 41/TB-HĐND ngày 09/5/2024 của HĐND huyện về kết quả Hội nghị liên tịch giữa Thường trực HĐND huyện với UBND huyện, Ban Thường trực UBMTTQVN, Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện về dự kiến nội dung, chương trình và thời gian tổ chức Kỳ họp thứ 10 của HĐND huyện khóa XII;

Trên cơ sở tham mưu của Thanh tra huyện tại Báo cáo số 33/BC-TTr ngày 11/6/2024 và Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 167/BC-TCKH ngày 22/5/2023;

UBND huyện Đồng Phú báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2024, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

Kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 06 tháng đầu năm 2024

I. Kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 06 tháng đầu năm 2024:

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (viết tắt là PCTN):

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng được Huyện ủy, UBND huyện đặc biệt quan tâm, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc. Từ đó, việc phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, đơn vị, địa phương cũng như đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong từng cơ quan đơn vị được thực hiện nghiêm túc.

b) Việc ban hành văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN:

Trong 06 tháng đầu năm 2024, UBND huyện đã ban hành 04 văn bản để hướng dẫn, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN, cụ thể: Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 22/01/2024 của UBND huyện về công tác PCTN, tiêu cực năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Phú; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 25/01/2024 của UBND huyện thực hiện công tác kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Phú; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 30/01/2024 của UBND huyện thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày

22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 12/7/2019 của UBND tỉnh năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Phú; Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia PCTN, TC đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đồng Phú.

c) Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, các quy định về PCTN được các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn quan tâm, chú trọng thực hiện. Thực hiện thông qua nhiều hình thức, như: Lồng ghép vào trong các hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật, các cuộc họp cơ quan, các buổi sinh hoạt đoàn thể, tổ chức nói chuyện chuyên đề... Qua đó, giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức nắm bắt được các quy định về công tác PCTN và thực hiện. Ngày

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động:

Các cơ quan, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn đã thực hiện Quy chế công khai tài chính, công khai dự toán thu - chi ngân sách; thực hiện công khai việc mua sắm tài sản công, chế độ chính sách về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các chế độ khác có liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị dưới hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc, thông qua các cuộc họp cơ quan. Đồng thời, thực hiện niêm yết công khai các TTHC, các quy trình thủ tục, thời hạn giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân tại trụ sở làm việc. Đảm bảo thực hiện công khai, minh bạch theo Điều 10, Luật PCTN năm 2018.

UBND huyện cũng đã ban hành Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 về việc công bố công khai điều chỉnh quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2022 của huyện Đồng Phú; Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024 của huyện Đồng Phú; Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 của huyện Đồng Phú... để cho các cơ quan, đơn vị biết, theo dõi.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

UBND huyện đã triển khai, quán triệt đến cơ quan, đơn vị các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ như: Các quy định về chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; các quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, quy chế quản lý và bảo trì công sở; các quy định về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc cơ quan nhà nước; các quy định về quản lý đất đai, tài nguyên thiên nhiên...; triển khai xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tại các cơ quan, đơn vị được giao tự chủ theo các quy định của pháp luật.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn: Trong 06 tháng đầu năm 2024, không có cán bộ, công chức nào vi phạm quy tắc ứng xử.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn: Việc chuyển đổi vị trí công tác trên địa bàn huyện được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện theo Luật PCTN năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ. Trong 06 tháng đầu năm 2024, UBND huyện ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 19/01/2024 thực hiện định kỳ việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2025, đồng thời, ngày 28/02/2024, UBND huyện ban hành Công văn số 744/UBND-NC về việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác năm 2024, trong đó chỉ đạo các

cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác đảm bảo theo đúng quy định. Hiện tại, các cơ quan, đơn vị và địa phương đang triển khai thực hiện.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt:

UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc; sử dụng và khai thác có hiệu quả một số phần mềm phục vụ điều hành, quản lý và quản lý văn bản, hệ thống email công vụ... Cụ thể: Ngày 12/01/2024, UBND huyện ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND về việc thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2024. Kết quả thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 của cơ quan, đơn vị, địa phương là 499 TTHC.

Thực hiện thanh toán tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động qua thẻ ATM hàng tháng và thực hiện thanh toán chi phí hoạt động tự chủ, chi phí chuyên môn nghiệp vụ ngành cho nhà cung cấp qua hình thức chuyển khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn:

Trong 06 tháng đầu năm 2024, UBND huyện đã triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2023. Kết quả:

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai: 57, trong đó: Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai: 57;

- Tổng số người phải kê khai: 205, trong đó: Số người đã thực hiện kê khai: 205; số người chậm thực hiện hoặc chưa thực hiện kê khai: 00.

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai bản kê khai: 57, trong đó: Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện công khai kê khai: 57; số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện việc công khai bản kê khai: 00.

- Số bản kê khai đã được công khai 205 bản, trong đó: Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết 73 bản; số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp 152 bản.

- Số bản kê khai chưa được công khai: 00.

- Số người được yêu cầu giải trình: 00.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: Không.

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: Không.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không.

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng:

- Kết quả khởi tố trong 06 tháng đầu năm 2024: Thực hiện khởi tố 02 vụ/02 bị can, cụ thể:

+ Vụ “Tham ô tài sản” xảy ra ngày 14/11/2022 tại Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm chi nhánh Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Khởi tố 01 vụ/01 bị can.

+ Vụ “Tham ô tài sản” xảy ra ngày 23/04/2023 tại Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm chi nhánh Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Khởi tố 01 vụ/01 bị can.

- Kết quả truy tố trong 06 tháng đầu năm 2024, cụ thể: Truy tố 01 vụ/ 01 bị can: Vụ “Tham ô tài sản” xảy ra vào tháng 4, 5/2023 tại Bru cục Đồng Tâm, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú.

- Kết quả xét xử các vụ tham nhũng: Không.

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng:

- Tổng số tiền phải thu hồi: 77.360.800 đồng.

- Số tiền đã thu hồi: 42.272.000/ 77.360.800 đồng.

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu: Không.

4. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng:

Trong 06 tháng đầu năm 2024, UBMTTQVN huyện và các tổ chức, đoàn thể thường xuyên triển khai thực hiện các biện pháp PCTN. Triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện quy chế giám sát và phản biện xã hội của UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định. Cụ thể, các cơ quan, đơn vị đã ban hành nhiều văn bản thực hiện vai trò, trách nhiệm trong công tác PCTN, như: Kế hoạch số 19/KH-HĐND ngày 15/3/2024 của Thường trực HĐND huyện về giám sát của Thường trực HĐND huyện theo Nghị số 18/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Kế hoạch số 22/KH-HĐND ngày 22/3/2024 về giám sát của Ban pháp chế HĐND huyện năm 2024; Kế hoạch số 39/KH-HĐND-BKTXH ngày 07/5/2024 về giám sát của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện năm 2024 theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Chương trình số 09/CTr-MTTQ-UB ngày 29/01/2024 của UBMTTQ Việt Nam về giám sát và phản biện xã hội của UBMTTQVN huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện năm 2024...

II. Đánh giá:

UBND huyện đã chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN; thực hiện tốt công tác PCTN, bảo đảm ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Huyện nhà. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; công tác giáo dục chính trị - tư tưởng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; nhằm phát huy vai trò trách nhiệm, đạo đức công vụ trong công tác PCTN tại địa phương. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa và kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí được triển khai tích cực, nhiều lĩnh vực triển khai thực hiện đạt kết quả cao; nhất là trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính, thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện PCTN, lãng phí được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Vì vậy, trong thời gian qua trên địa bàn huyện đã phát hiện ra 01 số vụ tham ô tài sản xảy ra tại doanh nghiệp ngoài Nhà nước, ngành tư pháp huyện đã thực hiện khởi tố 02 vụ/02 bị can và truy tố 01 vụ/01 bị can, góp phần làm ổn định tình hình ANCT, TTATXH, phát triển kinh tế - xã hội tại Huyện Nhà.

III. Phương hướng, nhiệm vụ trong 06 tháng cuối năm 2024:

1. Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nhất là Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị

về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát kê khai tài sản, các quy định về công khai, minh bạch của Luật Phòng, chống tham nhũng; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Luật Phòng, chống tham nhũng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu lực, hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; phối hợp xử lý tham nhũng; khẩn trương triển khai thi hành các quy định mới về kiểm soát tài sản, thu nhập, kiểm soát xung đột lợi ích...

2. Triển khai thực hiện Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC; Ban Chỉ đạo PCTNTC cấp tỉnh; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu địa phương và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện pháp luật về PCTN.

3. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp về phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, nhất là các quy định về công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình, kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý. Tiến hành thực hiện công tác kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định.

(Kèm theo Bảng biểu).

PHẦN THỨ HAI

Kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2024

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức THTK, CLP:

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của địa phương:

- Công tác triển khai:

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tiếp tục tuyên truyền nhằm đẩy mạnh thông tin, phổ biến pháp luật về THTK, CLP; các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THTK, CLP với các hình thức đa dạng nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP.

Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tích cực phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí để thực hiện tuyên truyền, vận động về THTK, CLP đạt hiệu quả.

Các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tích cực tuyên truyền, vận động và nâng cao nhận thức THTK, CLP tại địa phương nơi sinh sống.

- Kết quả thực hiện:

100% công chức chấp hành tốt chủ trương, đường lối, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận chính quyền. Thực hiện tốt quy định tại Quyết định số 1301/2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của UBND tỉnh niêm yết công khai rõ ràng thời gian làm việc, trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ và mức phí, lệ phí thu theo quy định.

Thực hiện tốt quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; nêu cao ý thức và tinh thần phục vụ Nhân dân; kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ,

công chức, viên chức và người lao động có hành vi tiêu cực, những nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho Nhân dân; phấn đấu mức độ hài lòng của người dân về giải quyết thủ tục hành chính ngày càng cao. Công chức phải chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan khi gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu cho nhân dân. Đồng thời, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể và Nhân dân để nắm tâm tư, nguyện vọng, những vấn đề bức xúc, những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác phối hợp và hoạt động; những đề xuất, kiến nghị của các đoàn thể để kịp thời giải quyết, tạo điều kiện cho đoàn thể hoạt động có hiệu quả. Nghiêm túc tiếp thu ý kiến, góp ý của Nhân dân về công tác quản lý, điều hành, về tinh thần trách nhiệm và phong cách làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tốt công tác tiếp công dân.

Luôn tăng cường thực hiện quy chế dân chủ cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân đúng quy định pháp luật trên lĩnh vực đời sống xã hội; quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc, hợp pháp trong Nhân dân, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến đời sống của nhân dân.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP của địa phương:

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình thực hành, tiết kiệm chống lãng phí năm 2024, UBND huyện đã ban hành Chương trình số 01/CT-UBND ngày 04/4/2023 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 để chỉ đạo các ngành của huyện nghiêm túc thực hiện.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP:

Công tác tự kiểm tra tài chính, kiểm tra việc quản lý vốn, tài sản, đất đai tại các cơ quan nhà nước luôn được quan tâm. Ngành tài chính đã ban hành một số văn bản hướng dẫn cụ thể. Theo đó, thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về kết quả tự kiểm tra, có biện pháp kịp thời xử lý, khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, yếu kém xảy ra tại đơn vị mình và chịu trách nhiệm khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sai chế độ, chính sách trong quá trình quản lý, sử dụng ngân sách.

Kho bạc Nhà nước tăng cường công tác kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

Thanh tra huyện đã xây dựng kế hoạch thanh tra với nội dung về quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi ngân sách nhà nước, kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản. Qua kết quả thanh tra đã kiến nghị cụ thể đối với những vi phạm quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công khai kết quả thanh tra, kết quả xử lý của từng cấp, từng đơn vị theo quy định hiện hành.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí:

Để thực hiện tốt Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, UBND huyện chỉ đạo các phòng, ban, các Trường học, UBND các xã, thị trấn, các đơn vị đóng trên địa bàn tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung của Chương trình và đã đạt được một số kết quả sau:

1. Kết quả THTK, CLP, cụ thể trong các lĩnh vực:

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

UBND huyện đã chỉ đạo đơn vị quản lý Nhà nước có liên quan triển khai, quán triệt đến cơ sở các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ như: Các quy định về chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; các quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, quy chế quản lý và bảo trì công sở; các quy định về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc cơ quan nhà nước; các quy định về quản lý đất đai, tài

nguyên thiên nhiên...; triển khai xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tại các cơ quan, đơn vị được giao tự chủ theo các quy định của pháp luật.

Các đơn vị đã xây dựng và công khai trình tự thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị mình và công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong giải quyết các công việc.

b) THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

Tăng cường quản lý chặt chẽ, tiết kiệm hơn nữa chi NSNN, thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - NSNN; Triệt để tiết kiệm phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, lập, phân bổ, giao dự toán NSNN. Sử dụng kinh phí chi thường xuyên đúng mục đích, định mức chi tiêu, theo dự toán đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo chế độ tài chính hiện hành.

Thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện về việc việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 4974/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024. Các cấp ngân sách, các ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm trước khi giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị để bố trí chi thực hiện cải cách tiền lương; tổng số tiền tiết kiệm năm 2024 ngân sách địa phương là 5,250 tỷ đồng.

Trong năm, thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 522/UBND-TH ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh, Công văn số 772/UBND-KT ngày 01/03/2024 của UBND huyện Đồng Phú về việc cắt giảm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024 so với dự toán đầu năm, Phòng Tài chính – KH đã ban hành Thông báo số 69/TB-TCKH ngày 06/03/2024 về việc thực hiện giữ lại 5% dự toán chi thường xuyên là 20,683 tỷ đồng. Sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, UBND tỉnh, Sở Tài chính về việc cắt giảm sẽ tham mưu UBND huyện cắt giảm 5% theo quy định.

Tăng cường các biện pháp chống thất thoát, lãng phí bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả nhằm tiết kiệm triệt để chi phí như: Điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu và các chi phí khác. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên nhất là các khoản chi: Tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, lễ ký kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, ký kết thi đua, tiếp khách....Lựa chọn hình thức mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo đúng quy định Luật Đấu thầu.

c) THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

Công tác trong việc sử dụng mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trên tinh thần tiết kiệm, đúng mục đích, đúng đối tượng.

Hướng dẫn các đơn vị mua sắm theo đúng tiêu chuẩn định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017; Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; được điều chỉnh, bổ sung tại Thông tư 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Nghị định số

24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ. Đồng thời, thực hiện tốt công tác thẩm định giá, góp phần tiết kiệm ngân sách Nhà nước.

d) THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

Trên cơ sở Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện Đồng Phú về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; UBND huyện ban hành Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

Công tác quản lý, sử dụng, xây dựng mới trụ sở làm việc thực hiện đúng tiêu chuẩn quy định. Đối với các trụ sở đã xuống cấp hoặc thừa diện tích sử dụng so với định mức, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, rà soát diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ đang quản lý để bố trí sử dụng đúng mục đích và tiêu chuẩn quy định, thu hồi diện tích trụ sở làm việc không đúng mục đích được giao để điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu hoặc thanh lý tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng mới trụ sở các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính Phủ.

đ) THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

Thực hiện nghiêm chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền và tăng cường biện pháp thực hiện để trong năm 2024 hoàn thành cơ bản việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Việc giao đất cho các dự án, khu công nghiệp trên địa bàn huyện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thủ tục giao đất đúng quy định.

Việc cho thuê đất thực hiện đúng trình tự, thủ tục, nghĩa vụ tài chính và sử dụng đất đúng mục đích được giao.

e) THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

Tăng cường rà soát nhu cầu về biên chế và việc tuyển dụng lao động của các đơn vị, đảm bảo việc tuyển dụng phù hợp nhu cầu sử dụng và không lãng phí lao động; rà soát các quy định về đào tạo, quản lý lao động trong khu vực nhà nước, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở quy hoạch của từng đơn vị, địa phương gắn liền với việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trước mắt và lâu dài; kết hợp các hình thức đào tạo cho phù hợp từng đối tượng cán bộ theo đúng chuyên môn và ngành nghề đào tạo tránh tình trạng đào tạo tràn lan gây lãng phí thời gian và ngân sách Nhà nước. Nhìn chung các đơn vị, địa phương tổ chức, bố trí sử dụng cán bộ, công chức cơ bản đúng chuyên môn, ngành nghề được đào tạo, qua đó đã phát huy hết sức mạnh về năng lực, sở trường của từng cán bộ, công chức.

g) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp: Không có.

h) THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân:

Các ngành, các cấp, tổ chức đoàn thể đã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xây dựng nếp sống văn hóa, nếp sống mới

trong việc cưới, việc tang, xóa bỏ các thủ tục lạc hậu, lối sống xa hoa, lãng phí được đa số nhân dân hưởng ứng. Kết quả thực hiện bước đầu như sau:

Việc cưới: Các đám cưới đều thực hiện đúng Luật Hôn nhân và gia đình. Các nghi lễ như: Chạm ngõ, ăn hỏi, lễ cưới... đều thực hiện tiết kiệm, không có tình trạng thách cưới, lễ vật, của hồi môn...

Việc tang: Đa phần đều thực hiện nếp sống văn minh, không còn tình trạng ăn uống kéo dài, nhiều phong tục tập quán lạc hậu được bãi bỏ.

Về lễ hội: Các cấp chính quyền đã tăng cường chỉ đạo việc tổ chức các lễ hội nên từng bước đi vào nề nếp, đảm bảo thiết thực hơn, hạn chế tình trạng phô trương hình thức, lãng phí.

Bên cạnh đó, địa phương cũng đang đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong Nhân dân về ý thức nghĩa vụ của công dân trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có việc tiết kiệm điện, tiết kiệm nhiên liệu, khí đốt... từng bước tạo được những chuyển biến tích cực, khả quan trong xã hội.

Về lĩnh vực y tế: Ngành y tế trong thời gian qua cũng đã tăng cường công tác phòng chống và tiêm phòng dịch chủ động, sốt xuất huyết, bệnh tay - chân - miệng ở trẻ em... Qua đó, công tác chủ động phòng ngừa dịch bệnh, ngành y tế đã góp phần tiết kiệm đáng kể về tiền, của, bảo vệ tính mạng của Nhân dân.

Về lĩnh vực nông nghiệp: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thường xuyên phối hợp với các địa phương tăng cường công tác khuyến nông, hướng dẫn bà con nông dân kỹ thuật chăn nuôi và trồng trọt nhằm tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, phát huy hiệu quả đồng vốn, mang lại lợi nhuận cao nhất có thể trong điều kiện giá cả đang tăng cao.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: 0 vụ.

Số vụ việc đã được xử lý: 0 vụ.

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức vi phạm và hình thức xử lý: 0 người.

III. Đánh giá chung.

1. Đánh giá kết quả đạt được:

Tình hình thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thực hiện của bộ, ngành trung ương và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh để xây dựng và ban hành Chương trình thực hiện; thường xuyên lồng ghép nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các cuộc họp nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong việc chấp hành và thực hiện có hiệu quả.

Đa số các đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu, trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong các cơ quan, công tác quản lý, điều hành ngân sách đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại đúng tiêu chuẩn, quản lý sử dụng ngân sách đúng mục đích, chế độ, định mức quy định theo chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí. Cán bộ, công chức, viên chức đã nâng cao tinh thần và thái độ làm việc, tăng cường nhận thức về trách nhiệm và quyền lợi của mình, góp phần thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn tài chính, thực hiện tiết kiệm có hiệu quả.

Thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, từ khâu phân bổ dự toán đến khâu quyết toán hằng năm, kế hoạch xây dựng cơ bản, công khai quy trình thu và sử dụng các loại Quỹ, các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân tại địa phương... để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trong năm 2024 tiết kiệm được từ chi thường xuyên của đơn vị để bố trí chi thực hiện cải cách tiền lương: 5,250 tỷ đồng (NS huyện: 3,513 tỷ đồng, NS xã: 1,737 tỷ đồng).

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Một vài đơn vị chưa thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo; chất lượng báo cáo còn thấp, chưa làm rõ nguyên nhân, chưa nhận diện hết được lãng phí trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý để từ đó đề ra biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi.

Việc thực hiện công khai ở một số đơn vị chưa đi vào nề nếp và còn mang tính hình thức nên đã hạn chế hiệu quả giám sát của các tổ chức, đoàn thể quần chúng và Nhân dân.

3. Những kinh nghiệm rút ra:

Tuân thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, nhà nước về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Thực hiện công khai minh bạch hơn nữa đối với việc sử dụng ngân sách, mua sắm, sử dụng tài sản và phân bổ sử dụng nguồn lao động một cách công khai, phù hợp.

Nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, cũng như ý thức trách nhiệm cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong công tác THTK, CLP. Kịp thời khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác THTK, CLP và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hành vi cố tình gây lãng phí.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong thời gian tiếp theo:

1. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp tăng cường THTK, CLP, khắc phục tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý của địa phương:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ. Đồng thời, kết hợp với thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với tổ chức đảng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng trong địa phương để thực hiện tuyên truyền, quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, các chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cấp trên và của các cơ quan, đơn vị đến tất cả các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị.

2. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong thời gian tới. Các mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP cần đạt được:

- Nâng cao nhận thức thực hành tiết kiệm chống lãng phí, xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị, địa phương, tuyên truyền sâu rộng đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Triển khai phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai, xây dựng, tư

pháp trên địa bàn huyện.

- Quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư ngay từ ban đầu, tránh việc định hướng đầu tư và cho chủ trương đầu tư sai, dẫn đến các dự án đầu tư không đạt hiệu quả kinh tế - xã hội, đầu tư dàn trải, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước thấp.

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đầy đủ các quy định về công khai minh bạch để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế...

IV. Đề xuất, kiến nghị:

Kiến nghị UBND tỉnh, Sở Tài chính quan tâm hỗ trợ bổ sung kinh phí tuyên truyền phổ biến pháp luật cho địa phương nhằm nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các Nghị quyết, Quyết định của UBND tỉnh, UBND huyện về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến từng cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trên địa bàn huyện.

(Kèm theo phụ lục 01)

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Phú, UBND huyện báo cáo HĐND huyện./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- VP. Huyện ủy;
- Thanh tra huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- CVP, CVNC;
- Lưu: VT. *M*



**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phương

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG,
CHỐNG THAM NHŨNG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 16 /2024 của UBND huyện)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	04
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	00
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	00
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	01
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	399
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		00
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		00
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	01
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	



	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		00
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		00
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	499
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	227 mức độ 3; 272 mức độ 4
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	00
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	205
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	00
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		00

38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		00
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		00
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		00
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		00
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	

57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		00
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	02
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	02
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		00
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG		00
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
66.1	- Khiển trách	Người	
66.2	- Cảnh cáo	Người	
66.3	- Cách chức	Người	
	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		00
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	
68.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	
68.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	
68.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	
68.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát</i>		77.360.800 đồng

	<i>hiện được</i>		
73	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	77.360.800 đồng
74	Đất đai	m ²	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		00
75	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	42.272.000 đồng
75.1	<i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính</i>	Triệu	42.272.000 đồng
75.2	<i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp</i>	Triệu	
76	Đất đai	m ²	
76.1	<i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính</i>	m ²	
76.2	<i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp</i>	m ²	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
77	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
78	Đất đai	m ²	

ju

A.T.R.M.V.

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỂM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2024

(Kèm theo Báo cáo  /BC-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Đồng Phú)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản	0	0	0			
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản	0	0	0			
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc	1	1	1			Kiểm tra về đăng ký kinh doanh
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	0			
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại lệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng	210	0	0	0	0	
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	triệu đồng	10,259	5,250.00	5,250.00	51%	100%	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	0	0.00	0.00			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	10,259	5,250	5,250	51%	100%	



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	0	0.00	0.00			
1.4	Các nội dung khác		0	0.00	0.00			
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		457.99	0.00	0.00			
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		403.53	0.00	0.00		0%	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	22	0.00	0.00			
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	82	0.00	0.00			
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	44	0.00	0.00			
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	2	0.00	0.00			
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	15	0.00	0.00			
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	15	0.00	0.00			
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	13	0.00	0.00			
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	67	0.00	0.00			
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	143	0.00	0.00			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		0	0	0			
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	0	0	0			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		0	0	0			
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	0	0	0			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	0	0	0			
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	0	0	0			
	Các nội dung khác		0	0	0			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	0	0	0			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	7	0	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	0	0	0			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	48	0	0			

Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	0	0	0			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ		74	74	74	100%	100%	
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	74	74	74	100%	100%	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	0	0	0	0%	0%	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	0	0	0	0%	0%	
4	Các nội dung khác		0	0	0			
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	5	5	5	100%	100%	Xe ô tô + Xe chuyên dùng
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	0	0			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	0	0			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0	0			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	0	0	0			
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	0	0	0			
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0	0	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác		0	0	0			
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							

ph

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cất giảm	dự án	4	0	0	0%		
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	90	0	110	122%	0%	
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán (pkht)</i>	triệu đồng	51	0	110	216%	0%	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	39	0	0	0%	0%	
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	0	0	0	0%		
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	0	0	0	0%		
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	0	13	13	0%		
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án	0	0	0			
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	228,169	228,169	228,169	100%	100%	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	0	0	0			
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	2,601	2,601	2,601	100%	100%	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	0	0	0			
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2	0	0	0			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2	0	0	0			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	252	Không có KH	176,75	70%	0%	
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	0	0	0			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0			
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	0	0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	0	0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0			
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	0	0	0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác		0	0	0			

gwl

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
VII Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp								
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	0	0	0			
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h	0	0	0			
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lit)	0	0	0			
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	0	0	0			
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	0	0	0			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	0	0	0			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	0	0	0			
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	79	24	24	30%	100%	
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	79	24	24	30%	100%	
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	0	0	0			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	0	0	0			
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	0	0	0			
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	0	0	0			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án	0	0	0			
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng	0	0	0			
2.5	Các nội dung khác		0	0	0			
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	0	0	0			
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	0	0	0			
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	0	0	0			
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	5	5	5	100%	100%	
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	0	0	0	-		
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	0	0	0			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	0	0	0			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	0	0	0			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	0	0	0			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	0	0	0			
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	0	0	0			
	Số cuối kỳ	triệu đồng	0	0	0			
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng	0	0	0			
	Số cuối kỳ	triệu đồng	0	0	0			
VIII	THHTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THHTK, CLP	Lượt hộ	0	0	0			
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	0	0	0			
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THHTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THHTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	2	2	0	0%	0%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	2	0	0	0%	0%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	4	4	0	0%	0%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	0	0	0	0%		
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	0	0	0	0%		
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	0	0	0	0%		